TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/KDTM-ST
Ngày 28/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Ngọc.

2. Ông Từ Văn Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2022/QĐXX-ST ngày 11/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 407/2022/QĐST-KDTM ngày 09/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 - Chủ hộ kinh doanh P. Địa chỉ: Tổ 6, ấp Chuồng Vích, xã D, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Văn D, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: 163 đường số 3158C Phạm Thế Hiển, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/3/2021)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V.

Trụ sở: 2129/29/1 Huỳnh Tấn Phát, khu phố A, thị trấn NB, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Điền Hoài V, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Quỳnh N.

Địa chỉ liên lạc: Phòng 12.02, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường A, Quận

B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 070622/UQ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và ngày 6/5/2021). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2021 các biên bản tự khai, biên bản hòa giải và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P đại diện ủy quyền ông D trình bày:

Ngày 22/6/2020, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ với nội dung Công ty tiến hành lắp đặt hệ thống đầu nối liên hoàn ba hầm đá cây với tổng giá trị hợp đồng là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tại địa chỉ Tổ 6, ấp Chuồng Vích, xã D, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn đã đặt cọc cho bị đơn tổng cộng số tiền là 100.000.000đ theo 2 đợt (ngày 23/06//2020 là 50.000.000đ và ngày 10/07/2020 là 50.000.000đ). Theo hợp đồng, trong thời gian là 30 ngày kể từ ngày đặt cọc lần thứ nhất bị đơn phải hoàn thành xong việc lắp đặt hệ thống cho nguyên đơn.

Trong quá trình thực hiện bị đơn đã không hoàn thành việc lắp đặt hệ thống theo đúng hợp đồng đã kí dẫn đến việc gây thiệt hại cho nguyên đơn. Bị đơn đã tiến hành lắp đặt hệ thống đầu nối liên hoàn 3 hầm đá cây với số lượng thiết bị chưa thống kê được. Nguyên đơn đã liên hệ cho bị đơn nhiều lần để yêu cầu hoàn thành lắp đặt nhưng bị đơn không có thiện chí khắc phục. Bị đơn cho rằng đã hoàn thành xong nhưng không đưa ra được biên bản nghiệm thu theo đúng với nội dung của hợp đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V tháo dỡ máy móc, thiết bị hoàn trả lại tiền cọc nhưng bị đơn vẫn cố tình né tránh. Đồng Thời nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 mà hai bên đã ký. Yêu cầu bồi thường cho nguyên đơn số tiền 200.000.000đ trong đó 100.000.000 đồng là nguyên đơn đã thanh toán trước đó và 100.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại sửa chữa, khắc phục hư hỏng. Yêu cầu tháo dỡ máy móc, thiết bị chưa xác định được mà bị đơn sử dụng để thực hiện hợp đồng.

Tại phiên tòa ông Dũng đại diện ủy quyền của Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P chấm dứt hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 giữa Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V trả lại tiền 100.000.000 đồng đã thanh toán trước đó. Yêu cầu tháo dỡ máy móc, thiết bị mà bị đơn đã lắp đặt thực hiện hợp đồng thiết bị theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông D đại diện ủy quyền của Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P rút lại yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại sửa chữa,

khắc phục hư hỏng.

- Bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V có người đại diện ủy quyền ông Trần Quốc Hưng và bà Trần Thị Quỳnh Như trình bày tại bản tự khai biên bản hòa giải ngày 16/6/2021 và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trình bày như sau:

Ngày 22/6/2020, bị đơn có kí hợp đồng lắp đặt với nguyên đơn. Sau khi nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) như nội dung hợp đồng, bị đơn đã tiến hành lắp đặt hệ thống máy móc và bàn giao cho nguyên đơn vận hành đúng quy trình, quá trình hoạt động máy móc ổn định, bình thường (vì ông Dũng và chúng tôi đã làm việc rất nhiều lần cũng như có mối quan hệ thân tình, do đó việc bàn giao máy móc giữa hai bên như một thói quen từ xưa đến nay nên chúng tôi không làm biên bản bàn giao nghiệm thu mà chỉ thông báo bằng lời nói). Theo nội dung hợp đồng, nguyên đơn phải thanh toán số tiền còn lại là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng cho bị đơn. Tuy nhiên cho đến nay bị đơn chưa nhận được bất cứ khoản tiền còn lại nào từ nguyên đơn.

Sau khoảng thời gian 03 đến 04 tháng hoạt động, nguyên đơn chưa hề có một thông báo nào cho bị đơn liên quan đến việc cần bảo hành hay sửa chữa và cũng không có động thái thanh toán tiền cho bị đơn. Nhưng thời gian gần đây nguyên đơn đã tự ý thuê nhiều đơn vị khác nhau đến can thiệp vào hệ thống máy móc, cắt toàn bộ hệ thống do bị đơn lắp đặt chuyển ra ngoài đường và thay thế hệ thống mới.

Bị đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng và không đồng ý trả lại 100.000.000 đồng và không cần nguyên đơn thanh toán số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Nguyên đơn giữ lại máy móc, thiết bị mà bị đơn đã lắp đặt cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến: Qua thực hiện công tác kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đối với vụ án nhận thấy, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ thực hiện đúng, đủ pháp luật về tố tụng; người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V trả lại tiền 100.000.000đ đã thanh toán trước đó và nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000đ là tiền bồi thường thiệt hại sửa chữa, khắc phục hư hỏng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P với bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V về tranh chấp Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V trả lại tiền 100.000.000 đồng đã thanh toán trước đó. Mặc khác Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Hộ kinh doanh Phú Sang được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 56L8008121 đăng ký lần đầu ngày 18/1/2015 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13/1/2021 do Phòng Tài chính Kế hoạch UBND Thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp chủ thể thành lập hộ kinh doanh cá nhân, người đại diện hộ kinh doanh Bà Nguyễn Thị H. Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P đứng đơn khởi kiện theo hộ kinh doanh tại tại địa chỉ Tổ 6, ấp Chuồng Vích, xã D, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang chỉ có Bà Nguyễn Thị H không có thành viên khác theo hộ kinh doanh, cho nên không xác định đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 101 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 79, Khoản 2 Điều 81 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/1/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

[1.2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng đại diện ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P yêu cầu chấm dứt hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 giữa Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V trả lại tiền 100.000.000 đồng đã thanh toán trước đó. Yêu cầu tháo dỡ máy móc, thiết bị mà bị đơn đã lắp đặt thực hiện hợp đồng thiết bị theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ.

[2.1] Xét Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện lắp đặt hệ thống đầu nối liên hoàn ba hầm đá cây cho hộ kinh doanh Phú Sang tại địa chỉ Tổ 6, ấp Chuồng Vích, xã D, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang chủ thể ký hợp đồng là ông Lê văn Dũng có ủy quyền của Bà Nguyễn Thị H cho ông Dũng thực hiện ký kết và nội dung của hợp đồng bên bị đơn cung cấp thiết bị Bình chứa cao áp, Van đống mở Moto, Ống sắt Φ 90, Ống sắt Φ 27, Gas R21, phin lọc gas và công lắp đặt hệ thống tổng gái trị 250.000.000 đồng không trái pháp luật đạo đức là hợp đồng có hiệu lực pháp. Nguyên đơn đưa trước bị đơn số tiền 100.000.000 đồng theo 2 đợt (ngày 23/06//2020 là

50.000.000đ và ngày 10/07/2020 là 50.000.000đ) để thực hiện Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 cả nguyên đơn bị đơn thừa nhận số tiền này, thời hạn thực hiện 30 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được tiền thanh toán đặt hàng của bên nguyên đơn.

[2.2] Trong quá trình thực hiện bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V và nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P đã thừa nhận phía Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V có thực hiện lắp đặt tại địa chỉ Tổ 6, ấp Chuồng Vích, xã D, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Nhưng cả nguyên đơn bị đơn không thống nhất việc đã hoàn thành công việc theo Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020. Do đó nghĩa vụ phía Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V chứng minh nghĩa vụ đã thực hiện xong việc lắp đặt hệ thống đầu nối liên hoàn ba hầm đá cây cho Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P. Ngoài ra bị đơn cho rằng bàn giao cho nguyên đơn vận hành đúng quy trình, quá trình hoạt động máy móc ổn định, bình thường (vì ông Dũng đại diện cho bà Hằng và chúng tôi đã làm việc rất nhiều lần cũng như có mối quan hệ thân tình, do đó việc bàn giao máy móc giữa hai bên như một thói quen từ xưa đến nay nên chúng tôi không làm biên bản bàn giao nghiệm thu mà chỉ thông báo bằng lời nói) phía nguyên đơn không thừa nhận việc đó, do đó không phải chứng cứ đã hoàn thành xong công việc Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 mà phía bị đơn đưa ra.

[2.3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/4/2022 tại hộ kinh doanh Phú Sang địa chỉ Tổ 6, ấp Chuồng Vích, xã D, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang phía nguyên đơn thừa nhận chỉ có 01 bầu chứa gas, 01 ống sắt Φ (phi) 90 hình chữ L dài 5,55 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 6,3 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 3,3 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 1,3 m. Phía bị đơn không cung cấp chưng cứ để chứng minh số lượng chủng loại đã bỏ vào làm hệ thống đầu nối liên hoàn ba hầm đá cây theo Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020, cho nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận nguyên đơn thừa nhận những tài sản phía bị đơn đã bỏ vào làm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/4/2022.

[2.4] Từ những chứng cứ phân tích nêu trên phía bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V không thực hiện đúng Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 thời hạn thực hiện 30 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được tiền thanh toán đặt hàng của bên nguyên đơn. Như vậy lỗi hoàn toàn của bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V làm cho Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 không thực hiện, thay đổi hay huỷ bỏ theo Điều 3 Hợp đồng "*Hai bên cùng cam kết thi hành đúng các điều khoản đã ký kết trên, không được đơn phương thay đổi hay huỷ bỏ Hợp Đồng khi chưa có sự đồng ý của bên kia. Bên nào không thực hiện đúng hoặc đơn phương thay đổi việc thực hiện Hợp Đồng mà không được sự đồng ý của Bên kia phải bồi thường thiệt hại cho Bên kia. Trong thời gian bảo hành, Nếu thiết bị không đạt yêu cầu kỹ thuật như khoản 1.4. Thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường hoặc trả lại thiết bị*". Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chấm dứt Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 giữa Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh

P với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V trả lại tiền đã nhận 100.000.000 đồng cho Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P trả lại máy móc, thiết bị cho bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V gồm: 01 bầu chứa gas, 01 ống sắt Φ (phi) 90 hình chữ L dài 5,55 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 6,3 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 3,3 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 1,3 m ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét tại phiên Tòa ông Lê Văn Dũng đại diện ủy quyền của Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P xin rút lại yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại sửa chữa, khắc phục hư hỏng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội Đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí sơ thẩm kinh doanh, thương mại bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V có giá ngạch 5.000.000 đồng do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V phải chịu 10.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chi phí thẩm định tại chỗ Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P tạm đóng là 10.000.000 đồng, nên Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 157; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 227, Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 101 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Điều 79, Khoản 2 Điều 81 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/1/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P yêu cầu chấm dứt hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020 giữa Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V. Buộc phía bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V thực hiện trả số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P theo Hợp đồng lắp đặt số 01/06-20/HĐLĐMĐ ngày 22/6/2020. Việc giao trả tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật được thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đồng thời Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P trả lại máy móc, thiết bị cho bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V gồm: 01 bầu chứa gas, 01 ống sắt Φ (phi) 90 hình chữ L dài 5,55 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 6,3 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 3,3 m, 01 ống sắt Φ (phi) 90 dài 1,3 m ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp chủ động thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (trường hợp thi hành theo đơn yêu cầu) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại sửa chữa, khắc phục hư hỏng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V phải chịu án phí kinh tế thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P (Biên lai thu tiền ghi Hộ kinh doanh Phú Sang người nộp thay Lê Văn Dũng) là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0073489 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H - Chủ hộ kinh doanh P.

5. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Thi Hành Án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp …)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hồng